

THÔNG BÁO

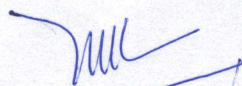
CÔNG KHAI THU - CHI TÀI CHÍNH

Tháng 02/2023

ĐVT: đồng

Số thứ tự	DIỄN GIẢI	Số dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Tiền mặt	Tiền gửi	Thu	Chi	Tiền mặt	Tiền gửi
I	TIỀN GỎI KHO BẠC:		549.264.697	48.760.000	550.000	-	597.474.697
1	Học phí		104.957.413	48.760.000			153.717.413
2	Học phí cấp bù		-				-
3	Học phẩm		10.222.110				10.222.110
4	Nhân viên nuôi dưỡng		12.185.400				12.185.400
5	Nguồn CCTL, từ thu SN		-				-
6	Nguồn CCTL, từ HP & HPCB		80.792.491				80.792.491
7	Trang thiết bị vd bán trú		36.096.217				36.096.217
	Quỹ phát triển hđ SN		124.823.083				124.823.083
9	Quỹ khen thưởng		44.315.016		550.000		43.765.016
10	Quỹ phúc lợi		135.872.967				135.872.967
II	TIỀN GỎI NGÂN HÀNG:		508.558.276	405.562.550	207.137.803	-	706.983.023
1	Tiền học các lớp năng khiếu		14.191.607	61.040.000	80.000		75.151.607
2	Chăm sóc sức khoẻ ban đầu		3.685.950		1.000.000		2.685.950
3	Tiền ăn bán trú		109.915.474	157.650.000	91.473.455		176.092.019
4	Vệ sinh bán trú		7.678.460	5.890.000	3.913.802		9.654.658
5	Tiền ăn sáng		72.442.530	54.490.000	30.144.215		96.788.315
6	Phục vụ ăn sáng		15.819.846	43.980.000	35.467.925		24.331.921
7	Học phẩm		56.246.920	1.650.000	1.010.000		56.886.920
8	Phục vụ bán trú		37.706.945	79.164.000	39.240.906		77.630.039
9	Nhân viên nuôi dưỡng		23.233.800		4.680.000		18.553.800
	Trang thiết bị vd bán trú		9.041.900	1.500.000	100.000		10.441.900
11	Nguồn CCTL, từ thu SN		76.000.000				76.000.000
12	Quỹ phát triển hđ SN		1.500.000				1.500.000
13	Quỹ phúc lợi		77.800.000				77.800.000
14	Lãi tài khoản kinh phí HĐ		1.484.141	53.581	27.500		1.510.222
15	Tẩy giun		405.000				405.000
16	Lãi tài khoản chuyển thẻ ATM		464.081	92.000			556.081
17	Lãi tài khoản chuyên thu		941.622	52.969			994.591
	Tổng cộng		1.606.685.360	454.322.550	207.687.803	-	1.304.457.720

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyết Mai

Ngày 28 tháng 02 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

